

Bản án số: 186/2022/DS-PT

**Ngày: 06-9-2022**

V/v Tranh chấp QSDĐ, yêu cầu  
hủy giấy CNQSDĐ"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- T6 phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Đăng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Dũng

Ông Phạm Trường Thọ

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Phước Thành- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long:** Ông Phan Thanh Hào- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 13/2022/DS-PT ngày 07 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy giấy CNQSD đất*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 74/2021/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông **Trương Văn L1**, sinh năm 1959 (có mặt).

Địa chỉ: Số 227/15, ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Văn L1 gồm:

1.1/ Bà Lê Thị M2 H1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 9, NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

1.2/ Ông Trương Ngọc D, sinh năm 1977(có mặt).

Địa chỉ: Ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.3/ Ông Trương Thanh T1, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.4/ Ông Trương M2 H2, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.5/ Ông Trương Ngọc Mạnh, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.6/ Ông Trương Ngọc D, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.7/ Ông Lê Nhật T2, sinh năm 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PH, xã PH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

1.8/ Ông Ngô M2 H2, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TB, xã TH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

**2. Bị đơn: Bà Nguyễn Chí H4, sinh năm 1949**

Địa chỉ: đường 2/9, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị **Dương Thùy T3**, sinh năm 1983; Địa chỉ: khóm 2, phường 3, TPVL, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 16/4/2015) (có mặt).

**3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1929

3.2. Bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1937

Địa chỉ: Số 92, đường THĐ, Hẻm 3, ĐA, phường MX, T6 phố L X, tỉnh An Giang.

3.3. Bà Nguyễn Thị Ngọc S1, sinh năm 1939

Địa chỉ: Ấp P1 Tân, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện LH

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phan Thị Mỹ H5 – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH. Người đại diện theo ủy quyền của bà H5 là ông Nguyễn Chí C – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện LH, theo văn bản ủy quyền số 235/UQ-UBND, ngày 26/02/2021 (ông Nguyễn Chí C có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.5. Bà Thái Thị Nhung, sinh năm 1964 (Vợ ông L1, có mặt).

Địa chỉ: Ấp P1 Tân, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3.6. anh Trương Ngọc D, sinh năm 1997 (có mặt).

Ủy quyền cho bà Lê Thị M2 H1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 9, NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

3.7. anh Trương M2 H2, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Ủy quyền cho bà Lê Thị M2 H1, sinh năm 1976 (có mặt).

Địa chỉ: Số 9, NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Thái Thị H6, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

- 3.9. Châu Thị Thu E, sinh năm 1980  
Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
- 3.10. Trương Ngọc M1, sinh năm 1980 (có mặt).  
Ủy quyền cho bà Lê Thị M2 H1, sinh năm 1976 (có mặt).  
Địa chỉ: Số 9, NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.
- 3.11 Trương Thanh T1, sinh năm 1984 (có mặt).  
Ủy quyền cho bà Lê Thị M2 H1, sinh năm 1976 (có mặt).  
Địa chỉ: Số 9, NVT, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.
- 3.12 Trương Khắc B, sinh năm 2004 (vắng mặt).
- 3.13 Trương Thị Ngọc T4, sinh năm 1993 (vắng mặt).  
Cùng địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
- 3.14 Bùi Nguyễn Đức T5 ( Con bà H4)  
Địa chỉ: đường 2/9, phường 1, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.
- 4. Người làm chứng:**
- 4.1 Anh **Nguyễn Văn P1**, sinh năm 1962  
Địa chỉ: Số 512, ấp Tân Quới Hưng, xã TA, TPVL, tỉnh Vĩnh Long.
- 4.2 Anh **Phạm Văn Y**, sinh năm 1965  
Địa chỉ: ấp P1 Lợi C, xã PH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
- 4.3 Anh **Thái Hoàng P2**, sinh năm 1963  
Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
- 4.4 Anh **Trần Văn S2**, sinh năm 1975  
Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
- 4.5 Ông **Trương Văn T6**, sinh năm 1961  
Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.
- 4.6 Ông **Trương Văn M2**, sinh năm 1954.  
Địa chỉ: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Trong Đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2015 và Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 25/7/2016 của nguyên đơn ông Trương Văn L1 cùng người đại diện ông L1, trình bày:***

Nguyên vào năm 1980, ông Trương Văn L1 có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn L2 phần đất ruộng diện tích 04 công 22 tầm với giá 2.600 đồng, phần đất này hiện nay thuộc thửa 541, tờ bản đồ số 5, diện tích 5.180m<sup>2</sup>, loại đất 02 lúa (LUC), tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là: *Thửa 541*) do bà Nguyễn Chí H4 đứng tên trên: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây gọi tắt là: *GCN.QSDĐ*).

Tiếp đến ngày 21/11/1992, ông L1 có nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Ngọc S1 phần đất ruộng diện tích khoảng 3.500m<sup>2</sup> với giá 06 chỉ vàng trên 01 công đất và đến năm 1993 thì ông L1 đã giao đủ số vàng cho bà

S1. Phần đất này hiện nay thuộc thửa 520, tờ bản đồ số 5, diện tích 890m<sup>2</sup>, loại đất LUC và thửa 535, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.550m<sup>2</sup>- đất LUC, cùng tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long (*sau đây gọi tắt là: Thửa 520 và thửa 535*) do bà Nguyễn Chí H4 đứng tên trên GCN.QSĐĐ.

Sau khi nhận chuyển nhượng, ông L1 canh tác cả 03 thửa trên cho đến nay. Trong quá trình sử dụng đất tại thửa 520, ông L1 có lên líp một phần để trồng các loại cây gồm: 04 cây dừa trồng hơn 10 năm trị giá 2.000.000đ, 05 cây dừa trồng dưới 05 năm trị giá 400.000đ, 06 cây mít trồng hơn 10 năm trị giá 1.500.000đ, 15 cây chuối cao trên 01 mét trị giá 150.000đ.

Qua kết quả khảo sát, đo đạc phần đất tranh chấp, ông L1 yêu cầu:

Hủy GCN.QSĐĐ do UBND huyện LH cấp cho ông Bùi M2 T5 ngày 29/11/2000, tại thửa 520 và thửa 535, nay được chỉnh lý mặt 4 của GCN ngày 16/7/2012 sang tên bà Nguyễn Chí H4.

Công nhận cho ông Trương Văn L1 được QSĐĐ có diện tích thực đo tại thửa 520-1, diện tích 733,7m<sup>2</sup>; tại thửa 520-2, diện tích 185,2m<sup>2</sup>; tại thửa 535, diện tích 2.632,8m<sup>2</sup>, đều cùng loại đất LUC.

Hủy GCN.QSĐĐ do UBND LH cấp cho ông Bùi M2 T5 ngày 25/4/2002, tại thửa 541, nay được chỉnh lý mặt 4 của GCN ngày 16/7/2012 sang tên bà Nguyễn Chí H4.

Công nhận cho ông Trương Văn L1 được QSĐĐ có diện tích thực đo tại thửa 541, diện tích 4.887,5m<sup>2</sup>- đất LUC.

Nếu yêu cầu của đương sự nào không được Tòa án chấp nhận thì đương sự đó phải chịu chi phí khảo sát đo, đạc định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ. Đồng thời, thống nhất theo kết quả khảo sát đo đạc và định giá tài sản để làm cơ sở giải quyết vụ án.

***Trong Đơn yêu cầu phản tố đề ngày 19/8/2016, các lời khai tiếp theo của bị đơn Nguyễn Chí H4 và người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*** Bà Nguyễn Chí H4 và ông Bùi M2 T5 cưới nhau vào năm 1987 là vợ chồng hợp pháp, còn ông Bùi M2 T5 là anh ruột của ông Trương Văn L1.

- Đối với phần đất tranh chấp tại thửa 541 có nguồn gốc đất do ông Trương Văn Ngàn (cha ruột của ông L1 và ông T5) kê khai trong sổ mục kê ruộng đất thực hiện theo Chỉ thị 299 ngày 10/11/1980 của Thủ tướng Chính phủ.

Ngày 06/3/2002, ông T5 đứng đơn kê khai đăng ký QSĐĐ và đến ngày 25/4/2002, ông T5 được UBND huyện LH cấp GCN.QSĐĐ thửa 541. Năm 2012, ông T5 chết, bà H4 kê khai nhận thừa kế được Văn phòng đăng ký QSĐĐ huyện LH chỉnh lý mặt 4 ngày 16/7/2012 sang tên bà Nguyễn Chí H4.

Quá trình sử dụng đất, sau khi ông T5 và bà H4 cưới nhau và canh tác đất được khoảng 02 năm thì ông T5 và bà H4 cho ông L1 thuê đất canh tác cho đến nay.

- Đối với phần đất tranh chấp tại thửa 520 và 535 có nguồn gốc do ông Bùi M2 T5 nhận chuyển nhượng từ bà Nguyễn Thị Ngọc S1 vào năm 1997, với giá là 22 chỉ 05 phân vàng 24K. Hai bên có L2 hợp đồng chuyển nhượng được UBND xã LH1, huyện LH chứng thực ngày 25/8/1997. Đến ngày 21/10/1997 ông T5 được UBND huyện LH ra quyết định chấp thuận số 445/CT.UBND.

Thực hiện hợp đồng, ông T5 đã giao đủ số vàng cho bà S1. Ngày 29/11/2000, ông T5 được UBND huyện LH cấp GCN.QSĐĐ thửa 520 và thửa 535. Năm 2012, ông T5 chết, bà H4 kê khai nhận thừa kế được Văn phòng đăng ký QSĐĐ huyện LH chỉnh lý mặt 4 ngày 16/7/2012 sang tên bà Nguyễn Chí H4.

Quá trình sử dụng đất, sau khi ông T5 nhận chuyển nhượng từ bà S1 canh tác được khoảng 05 năm, ông T5 và bà H4 cõ đất cho ông Thái Hoàng P2 sử dụng một thời gian ông P2 trả đất lại. Năm 2002, ông T5 và bà H4 tiếp tục cõ đất cho ông Phạm Văn Y với giá 20 chỉ vàng 24K, nhưng sau đó ông Trương Văn L1 tự Y gặp ông Y chuộc lại đất để canh tác và không thông báo cho ông T5 và bà H4 biết. Đến khi ông T5 và bà H4 biết việc ông L1 chuộc đất, thì ông L1 thỏa thuận miệng xin thuê lại đất của ông T5 và bà H4. Do kinh tế gia đình ông L1 khó khăn và ông L1 là E ruột ông T5 nên ông T5 và bà H4 đồng ý cho ông L1 thuê cả 03 thửa đất 541, 520, 535 và trả tiền thuê đất hàng năm cho ông T5 và bà H4 là 2.000.000đ. Khi nào ông T5 và bà H4 có nhu cầu sử dụng đất thì ông L1 sẽ trả lại. Nhưng từ khi ông L1 canh tác đất cho đến nay thì ông L1 không có trả tiền thuê đất cho ông T5 và bà H4.

Bà H4 thống nhất kết quả khảo sát, đo đạc phần đất tranh chấp và bà H4 phản tố yêu cầu: Buộc ông Trương Văn L1 có trách nhiệm giao trả cho bà H4 phần đất có diện tích thực đo cụ thể như sau: Thửa 520-1 diện tích 733,7m<sup>2</sup> - đất LUC; thửa 520-2 diện tích 185,2m<sup>2</sup> - đất LUC; thửa 535 diện tích 2.632,8m<sup>2</sup> - đất LUC và thửa 541 diện tích 4.887,5m<sup>2</sup> - đất LUC.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2016, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn L2, bà Nguyễn Thị U (BL 127, 128) trình bày:** Ông Nguyễn Văn L2 cùng vợ là Nguyễn Thị U đều thừa nhận ngày 15/5/1980 có L2 “Giấy nhượng đất” (BL 48) theo đó ông L2 bà U chuyển nhượng cho ông Trương Văn L1 4 công 22 tầm đất, với giá 2.600 đồng và đã nhận đủ tiền chứ ông L2 bà U không có chuyển nhượng đất cho ai khác. Giấy nhượng đất do Huỳnh Văn Thanh (còn gọi là: Huỳnh Thanh T1) hiện ở ấp PL, xã LH1, huyện LH là cháu ông L2 viết giùm. Nay ông L2, bà U không có tranh chấp

phần đất đã chuyển nhượng cho ông L1 và xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

**Tại biên bản xác M2 ngày 09/8/2016 (BL 133) ông Huỳnh Thanh T1 (tên khác Huỳnh Văn Thanh) khai:** Ngày 15/5/1980 Tôi có viết giùm ông L2 “Giấy nhượng đất”. Theo đó ông L2 chuyển nhượng cho ông L1 phần đất 4 công 22 tầm, hiện là thửa 541 đang tranh chấp với bà H4. Ông L2 chỉ có thửa đất đã chuyển nhượng cho ông L1 ngày 15/5/1980 ngoài ra không có thửa đất nào khác ở ấp PL, xã LH1; ông L1 canh tác đất nhận chuyển nhượng của ông L2 từ năm 1980 đến nay.

**Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2016 (BL 129, 130) người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc S1 trình bày:** Tôi (bà S1) chỉ có một phần đất tại ấp PL, xã LH1, huyện LH. Ngày 21/11/1992 giữa Tôi và Trương Văn L1 có làm “Tờ giao kèo” chuyển nhượng QSDĐ, theo đó Tôi chuyển nhượng cho ông L1 diện tích đất theo thực tế là 3.500m<sup>2</sup> đất ruộng, giá 1.000m<sup>2</sup> = 06 (sáu) chỉ vàng 24K và ông L1 đã giao đủ vàng cho Tôi sau khi nhận đất. Khi thỏa thuận mua đất của Tôi thì ông L1 nói miệng với Tôi là đất này mua giùm ông T5, bà H4 nên Tôi mới biết là vàng của ông T5 bà H4. Từ trước đến nay giữa Tôi và ông T5 bà H4 không có gặp nhau để thỏa thuận chuyển nhượng và ký văn bản chuyển nhượng phần đất nào tại ấp PL, xã LH1. Nay Tôi không có tranh chấp và đồng ý chuyển nhượng đất cho ông L1. Ngày 05/5/1997 Tôi không có ký hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa 520, thửa 535 và Tôi cũng không có nhận 22 chỉ vàng 24k từ bà H4 và ông T5. Đến ngày 24/10/2017 (BL 252) bà S1 khai: Trước đây Tôi có bán đất cho ông T5 bà H4 giá bao nhiêu tôi không nhớ nhưng người trực tiếp giao vàng là ông L1, vì ông T5 đưa vàng cho ông L1 mua, sau khi tôi bán đất thì ông L1 canh tác đất, vì ông T5 nói mua cho ông L1 canh tác. Phần đất này nay Tôi không có tranh chấp và xin vắng mặt các phiên hòa giải và phiên tòa vì do tuổi đã cao.

**Tại văn bản số 2562/UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện LH (BL 169-170) phúc đáp cho Tòa án với nội dung như sau:**

- Về trình tự và đối tượng được cấp GCN.QSDĐ thửa số 541.

Ngày 04/11/2016 và ngày 18/11/2016 Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện LH có biên bản làm việc với UBND xã LH1, nội dung yêu cầu cung cấp hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ thửa 520 và 535 giữa bà S1 và T5 và danh sách công khai niêm yết thửa 536 và 541 của ông T5, kết quả như sau: *Hiện tại UBND xã không có lưu giữ hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà S1 và ông T5 và danh sách công khai niêm yết thửa số 536 và 541 của ông T5. Lý do: UBND xã sửa chữa nên di dời kho bị thất lạc.*

Kết Luận: Căn cứ luật đất đai năm 1993. Căn cứ Thông tư số 346/TT.TCĐC ngày 16/3/1998 của Tổng cục Địa chính hướng dẫn đăng ký,

L2 hồ sơ địa chính, cấp GCN.QSDĐ; tại điểm 1.3 phần II về thủ tục đăng ký đất đai, xét cấp GCN.QSDĐ thì kết quả được Hội đồng xét duyệt của UBND xã LH1 xét đủ điều kiện cấp giấy cho phần đất hộ sử dụng ổn định, hợp pháp không tranh chấp. Do đó xác định việc cấp GCN.QSDĐ cho hộ Bùi M2 T5 thửa số 536 và thửa số 541 đúng quy định và đối tượng.

- Về trình tự và đối tượng được cấp GCN.QSDĐ thửa số 520 và 535.

Căn cứ vào Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính Phủ. Về thủ tục chuyển đổi, chuyển nhượng...QSDĐ (Điều 11 Nghị định này). Xác định ông T5 được cấp GCN.QSDĐ thửa số 520 và 535 là cấp cho cá nhân và cấp đúng theo trình tự quy định và đúng đối tượng.

Tại thời điểm cấp GCN.QSDĐ cho hộ ông T5 thửa 541 và cấp GCN.QSDĐ cho cá nhân ông T5 tại thửa 520 và 535 thì hộ ông T5 và cá nhân ông T5 đều không có đăng ký hộ khẩu tại UBND xã LH1, nên không xác định được T6 viên trong hộ ông T5 gồm những ai.

*\* Tại công văn số 07/UBND ngày 09/4/2018 của UBND xã LH1 và Bản cung cấp tài liệu địa chính số 1996/TTCNTTTNMT ngày 20/12/2017 của Trung T5 công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi T2 thì: Hồ sơ đăng ký QSDĐ thửa 520 và 535 của ông T5 đều không có Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ ngày 05/5/1997 giữa ông T5 và bà S1.*

*\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/7/2018, anh Trương Ngọc D đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Thái Thị Nhung tại cấp sơ thẩm, trình bày: Bà Nhung là vợ ông L1. Bà Nhung không có cùng với ông L1 hùn tiền hay dùng tài sản chung của vợ chồng để sang nhượng đất của vợ chồng ông L2, bà U và bà S1. Phần đất mua do cá nhân ông L1 trực tiếp giao dịch và canh tác từ khi mua cho đến nay. Vì vậy bà không có quyền lợi hay nghĩa vụ liên quan trong vụ án này và cũng không có canh tác đất.*

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2018/DS-ST ngày 23/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện LH đã quyết định:***

- Căn cứ vào các Điều 690, 691, 692, 693, 694, 695, 696, 705, 706, 707, 708 của Bộ luật dân sự năm 1995;

- Căn cứ vào Điều 2 của Luật đất đai năm 1993; các Điều 8, 9, 10, 11 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; các Điều 34, 157, 165, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

1/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn L1 về việc hủy GCN.QSDĐ do UBND huyện LH cấp cho ông Bùi M2 T5 ngày 25/4/2002, tại thửa 541, diện tích 5.180m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, được chỉnh lý mặt 4 của GCN ngày 16/7/2012 cấp cho bà Nguyễn Chí H4.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn L1 về việc công nhận cho ông Trương Văn L1 được QSDĐ phần đất thửa 541, diện tích 4.887,5m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể qua các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

3/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Chí H4. Công nhận cho bà Nguyễn Chí H4 được QSDĐ phần đất thửa 541, diện tích 4.887,5m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể qua các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất) và buộc ông Trương Văn L1 có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Chí H4 phần đất này.

Bà Nguyễn Chí H4 có quyền và nghĩa vụ đăng ký phần đất biến động được công nhận nói trên theo quy định của pháp luật.

4/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn L1 về việc yêu cầu hủy GCN.QSDĐ do UBND huyện LH cấp cho ông Bùi M2 T5 ngày 29/11/2000, tại thửa 520, diện tích 890m<sup>2</sup>- đất LUC và tại thửa 535, diện tích 2.550m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, được chỉnh lý mặt 4 của GCN ngày 16/7/2012 cấp cho bà Nguyễn Chí H4.

5/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn L1 về việc công nhận cho ông Trương Văn L1 được QSDĐ phần đất tại thửa 520-1, diện tích 733,7m<sup>2</sup>- đất LUC và tại thửa 520-2, diện tích 185,2m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể qua các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).

6/ Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Chí H4. Công nhận cho bà Nguyễn Chí H4 được QSDĐ phần đất tại thửa 520-1, diện tích 733,7m<sup>2</sup> – đất LUC và tại thửa 520-2, diện tích 185,2m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể qua các mốc: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất) và buộc ông Trương Văn L1 có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Chí H4 phần đất này.

Bà Nguyễn Chí H4 có quyền và nghĩa vụ đăng ký phần đất biến động được công nhận nói trên theo quy định của pháp luật.

7/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Văn L1 về việc công nhận cho ông Trương Văn L1 được QSDĐ phần đất thửa 535, diện tích 2.632,8m<sup>2</sup>- đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể qua các mốc: 1, 2, 3, 4, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất).



**8/** Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Chí H4. Công nhận cho bà Nguyễn Chí H4 được QSDĐ phần đất thửa 535, diện tích 2.632,8m<sup>2</sup>-đất LUC, tờ bản đồ số 05, tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long, có kích thước và hình thể qua các mốc: 1, 2, 3, 4, 1 (kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất) và buộc ông Trương Văn L1 có trách nhiệm giao trả lại cho bà Nguyễn Chí H4 phần đất này.

Bà Nguyễn Chí H4 có quyền và nghĩa vụ đăng ký phần đất biến động được công nhận nói trên theo quy định của pháp luật.

**9/** Giao cho bà Nguyễn Chí H4 được quyền sở hữu số cây trồng trên thửa đất số 520 gồm: 04 cây dừa trồng hơn 10 năm, 05 cây dừa trồng dưới 05 năm, 06 cây mít trồng hơn 10 năm, 15 cây chuối cao trên 01 mét. Buộc bà Nguyễn Chí H4 có trách nhiệm hoàn trả cho ông Trương Văn L1 giá trị cây trồng với số tiền tổng cộng là 6.450.000đ (sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng)

**10/** Dành riêng cho các đương sự khởi kiện ở vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu giải quyết số vàng chuộc lại đất cầm cố và thuê đất.

**11/ Về án phí:**

- Buộc ông Trương Văn L1 nộp 27.629.000đ (hai mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo phiếu thu ngày 27/7/2016, nên ông L1 phải nộp thêm số tiền 27.429.000đ (hai mươi bảy triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn đồng) là đủ.

- Buộc bà Nguyễn Chí H4 nộp 322.600đ (ba trăm hai mươi hai nghìn, sáu trăm đồng) tiền án phí tiền dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 14.803.600đ đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0000268 ngày 28/11/2016, nên hoàn trả lại cho bà H4 14.481.000đ (mười bốn triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn đồng).

**12/ Về chi phí định giá tài sản và xem xét, thẩm định tại chỗ:** Ông Trương Văn L1 phải chịu là 5.012.500đ (năm triệu, không trăm mười hai nghìn, năm trăm đồng) và đã nộp xong.

***Tại bản án phúc thẩm số 122/DS-PT ngày 28 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long đã huỷ bản án sơ thẩm với nhận định:***

***Về tố tụng:***

Cấp sơ thẩm không đưa hộ gia đình ông Bùi M2 T5 hiện tại còn bà Nguyễn Chí H4 và ông Bùi Nguyễn Đức T5 tham gia tố tụng theo giải đáp số 01/2017/GĐ-TNDTC ngày 07/4/2017 tại khoản 4 phần II

Hộ gia đình ông L1, gồm: Vợ là Thái Thị Nhung, sinh năm 1964, con Trương Ngọc D, sinh năm 1977, con Trương Ngọc M1, sinh năm 1980, con Trương M2 H2, sinh năm 1983, con Trương Thanh T1, sinh năm 1984, con

Trương Thị Ngọc T4, sinh năm 1993, con Trương Khắc B, sinh năm 2004 tham gia tố tụng là thiếu sót.

Phần đất thửa 541 do bà Thái Thị H6 đang nhận cổ 2.000m<sup>2</sup> đất chiết thửa 541 giá 55.000.000đ (năm mươi lăm triệu đồng) và bà Châu Thị Thu E đang nhận cổ 3.000m<sup>2</sup> chiết thửa 541 giá 80.000.000đ (tám chục triệu đồng) . Nhưng khi giải quyết vụ án Tòa cấp sơ thẩm không đưa họ tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ quyền và nghĩa vụ của họ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

Cấp sơ thẩm chưa xác M2 làm rõ từ chính quyền địa P2 và các chủ sử dụng đất giáp cận ( Phần đất thửa 541), vì sao ông L1 chuyển nhượng đất lại không đăng ký. Không làm rõ ông P2, ông S2, ông Y có cổ đất thửa 541 không, vì sao ông T5 bà H4 không chuộc lại đất cổ mà để ông L1 chuộc lại đất cổ. Chưa có hồ sơ kê khai và đăng ký thửa 541 cho hộ T5 từ trung T5 công nghệ thông tin tỉnh Vĩnh Long, ông T5 nhận chuyển nhượng thửa 541 giá bao nhiêu.

Đối với đất thuộc thửa 520 diện tích 890m<sup>2</sup>- đất LUC, thửa đất 535 diện tích 2.550m<sup>2</sup>- đất LUC có nguồn gốc của bà S1, bà S1 đã khai ở 02 biên bản, biên bản ngày 09/8/2016 và biên bản ngày 24/10/2017 có mâu thuẫn và ông L1 cho rằng bà S1 bịa đặt nhưng cấp sơ thẩm không cho đối chất giữa ông L1, bà S1 và bà H4.

Cấp sơ thẩm tách phần tiền, vàng nhận chuyển nhượng đất từ ông L2 bà U bằng một vụ kiện khác nhưng không L2 văn bản giải thích cho đương sự.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2021/DS-ST ngày 18 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện LH, tỉnh Vĩnh Long đã xử:

Căn cứ Điều 34, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 29, 163 Luật tố tụng hành chính năm 2010; Điều 690, 691, 692, 693, 694, 695, 705, 706, 707 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 30 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 10, 11 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông nguyên đơn Trương Văn L1.

1/ Công nhận cho ông Trương Văn L1 được quyền sử dụng phần đất thửa 541, tờ bản đồ số 05, diện tích đo đạc thực tế là 4.887,5m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa, tọa lạc: ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/9/2015 của phòng tài nguyên môi T2 huyện LH).

Ông Trương Văn L1 có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc kê khai với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

2/ Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M996311 vào sổ số 36759...do Ủy ban nhân dân huyện LH cấp cho hộ ông Bùi M2 T5 ngày 25/4/2002, tại thửa 541 – diện tích 5.180m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 05, loại đất trồng lúa, được chỉnh lý mặt 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Chí H4 thừa kế ngày 16/7/2012 cấp cho bà Nguyễn Chí H4, đất tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn L1 đòi bà Nguyễn Chí H4 giao trả thửa 520 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 535 diện tích 2550m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 05, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long

4/ Không chấp nhận yêu cầu của ông Trương Văn L1 đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện LH đã cấp cho hộ ông Bùi M2 T5. (chỉnh mặt bốn cho bà Nguyễn Chí H4) ngày 29/11/2002 quyền sử dụng đất số N885623 các thửa đất 520 diện tích 890m<sup>2</sup> và thửa 535 diện tích 2550m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 5, tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

5/Buộc ông Trương Văn L1, Trương Ngọc D, bà Thái Thị Nhung, Trương M2 H2, Trương Thanh T1, Trương Ngọc M1, Trương Khắc B và Trương Thị Ngọc T4 giao trả cho bà Nguyễn Chí H4 phần đất tại thửa 520-1, diện tích 753,7m<sup>2</sup>; thửa 520-2, diện tích 185,2m<sup>2</sup>; thửa 535, diện tích 2.632,8m<sup>2</sup> (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 30/9/2015).

Bà Nguyễn Chí H4 có quyền và nghĩa vụ thực hiện việc kê khai biến động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh diện tích tại các thửa 520 và 535.

6/ Công nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn L1 giao toàn bộ số cây trồng trên đất cho bà Nguyễn Chí H4 được quyền sở hữu bao gồm 04 cây dừa hơn 10 năm tuổi, 05 cây dừa trên 05 năm tuổi, 06 cây mít hơn 10 năm, 15 cây chuối cao trên 01 mét. Bà Nguyễn Chí H4 không phải bồi thường giá trị cây trồng và T6 quả lao động cho ông Trương Văn L1, vợ ông L1 cùng các con ông L1. Công nhận sự tự nguyện của ông Trương Văn L1 tự nguyện di dời cá nuôi ra khỏi diện tích đất đã công nhận cho bà Nguyễn Chí H4 tại thửa đất 520 và thửa 535.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 30/11/2021 ông Trương Văn L1, Trương Ngọc D và Trương M2 H2 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu công nhận thừa đất 535 và 520 cho ông Trương Văn L1.

Ngày 02/12/2021 bà Thái Thị Nhung, ông Trương Ngọc M1, ông Trương Thanh T1, bà Trương Thị Ngọc T4, và ông Trương Khắc B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu công nhận thừa đất 535 và 520 cho ông Trương Văn L1.

Ngày 02/12/2021 bà Dương Thùy T3 đại diện ủy quyền của bị đơn có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Yêu cầu công nhận thừa đất số 541 cho bị đơn bà Nguyễn Chí H4.

*Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:*

Nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Yêu cầu chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L1, sửa án sơ thẩm giao phần đất thừa 520 và 535 cho ông L1 và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 2 thửa đất trên do bà H4 đứng tên giấy chứng nhận QSD đất.

Đại diện ủy quyền của bị đơn trình bày: Không đồng ý kháng cáo của nguyên đơn và chấp nhận yêu cầu của bị đơn, sửa án sơ thẩm, buộc ông L1 giao phần đất thừa 541 cho bà H4 và đồng ý giao cho ông L1 phần đất thừa 520 cho ông L1 đứng tên, quản lý sử dụng do ông L1 cũng có công sức giữ đất cho ông T5.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà bị đơn, y án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; Y kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của đương sự còn trong hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn trình bày nguồn gốc phần đất thửa 541, diện tích thực đo 4.887,5 m<sup>2</sup>, loại LUC, tọa lạc ấp PL, xã Lộc Hòa, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long do Nguyễn Chí H4 đứng tên quyền sử dụng đất là ông nhận chuyển nhượng của ông L2 vào năm 1980 và phần đất thửa 520, tờ bản đồ số 5, diện tích 890m<sup>2</sup>, loại đất LUC và thửa 535, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.550m<sup>2</sup>- đất LUC, cùng tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long do bà Nguyễn Chí H4 đứng tên do ông nhận chuyển nhượng của bà Nguyễn Thị Ngọc S1 vào năm 1992. Ông L1 yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Bùi M2 T5 (sang tên từ bà Nguyễn Chí H4) và công nhận phần đất thửa 541, 520 và 535 cho ông.

Bị đơn cho rằng phần đất thửa 541 là của ông Trương Văn Ngàn (cha ruột ông L1 và ông T5) kê khai sổ mục kê năm 1980 theo chỉ thị 299. Vào ngày 06/3/2002 ông T5 đứng kê khai quyền sử dụng đất và ông T5 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2012 ông T5 chết và bà H4 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận QSD cho Nguyễn Chí H4. Đối với thửa đất 520, 535 ông T5 nhận chuyển nhượng của bà S1 vào năm 1997. Ngày 29/11/2000 ông T5 được UBND huyện LH cấp giấy chứng nhận QSD đất, năm 2012 ông T5 chết, bà H4 kê khai thừa kế và bà H4 đứng tên mặt 4 ngày 16/7/2012. Do ông L1 là E ruột ông T5 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông T5 cho ông L1 thuê đất, khi nào cần sử dụng thì sẽ lấy lại và cũng không có nhận tiền thuê đất.

[3] Lời trình bày của các đương sự thể hiện phần đất thửa 541 theo tư liệu 299/TTg của Thủ tướng chính phủ là thửa 367, tờ bản đồ số 3, diện tích 5.600 m<sup>2</sup>, loại đất 2 lúa do ông Trương Văn Ngàn (cha ông L1, ông T5) kê khai đăng ký, đến năm 1991 thể hiện thửa 541, diện tích 5.180 m<sup>2</sup>, loại 2 lúa do Bùi M2 T5 đăng ký sổ bộ địa chính, ngày 06/3/2002 ông T5 làm đơn kê khai đăng ký thửa 541, diện tích 5.180 m<sup>2</sup>, loại 2 lúa không ai tranh chấp và duyệt đủ điều kiện xét cấp cho ông T5 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T5. Năm 2012 ông T5 chết, bà H4 khai nhận thừa kế và đứng tên quyền sử dụng đất. Ông L1 cung cấp tờ “giấy nhượng đất” đề ngày 15/5/1980 thể hiện vợ chồng ông L2 sang nhượng cho ông L1 nhưng ông L1 không tiến hành kê khai đăng ký theo chương trình đất qua các thời kỳ để thực hiện quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất đồng thời tại công văn số 2562/UBND ngày 30/12/2016 của UBND huyện LH xác định về trình tự thủ tục cấp giấy cho ông T5 là đúng quy định và đúng đối tượng.

Phần đất thửa 520 diện tích thực đo thửa 520-1 là 773,7 m<sup>2</sup>, thửa 520-2

diện tích 185,2 m<sup>2</sup> tại phiên tòa đại diện ủy quyền của nguyên đơn đồng Y giao cho ông L1 đứng tên quản lý, sử dụng do ông L1 cũng có công sức giữ gìn đất cho ông T5, bà H4 nên ghi nhận sự tự nguyện trên. Phần đất thừa 535 ngày 21/10/1997, UBND huyện LH có ban hành văn bản chấp thuận về việc chuyển nhượng QSD đất giữa bà S1 cho ông T5, năm 1998 ông T5 đứng tên đăng ký QSD đất, năm 2000 ông T5 được cấp giấy chứng nhận QSD đất, năm 2012 ông T5 chết, bà H4 đứng tên. Ông T5 kê khai đăng ký quyền sử dụng đất thừa 541,535 đúng theo quy định của pháp luật được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Việc ông L1 cung cấp tờ giao kèo bà S1 bán ruộng cho ông L1 thì bà S1 trình bày vàng chuyển nhượng đất bà nhận từ ông L1, nhưng ông L1 là người chuyển giao ruộng cho ông T5 vì ông L1 nói ông T5 là người mua đất.

[4] Xét kháng cáo của ông T1 là không có căn cứ, bởi lẽ tại phiên tòa phúc thẩm ông trình bày lúc mua thửa đất 541 và 535 ông không có xuất tiền vàng gì để mua đất, tiền vàng do cha ông là ông L1 xuất ra mua đất. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 có mặt và Y kiến cùng nội dung với phía nguyên đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm ông T1 làm đơn kháng cáo được cấp sơ thẩm chấp nhận đơn kháng cáo là đảm bảo quyền lợi của ông theo quy định của pháp luật. Đồng thời ông T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc L2 và đứng về phía nguyên đơn, tại phiên tòa sơ thẩm không có mặt thì cấp sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Xét yêu cầu của ông Ngô M2 H2 giám định chữ ký của bà S1 nhưng bà S1 khẳng định chữ ký do bà ký trước đây, bà S1 không cung cấp tài liệu và từ chối giám định nên không tiến hành thủ tục giám định đối với bà S1 theo yêu cầu của ông H2.

Xét ông B, bà T4 đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến dự phiên tòa nên đình chỉ xét xử đối với bà T4, ông B.

Từ những căn cứ trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng cáo của bị đơn; chấp nhận một phần đề nghị của kiểm sát viên.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp án phí phúc thẩm do sửa án sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Trương M2 H2, Trương Ngọc D, Trương Ngọc M1, Trương Thanh T1, Trương Khắc B, bà Thái Thị Nhung, Trương Thị Ngọc T4 mỗi người 300.000 đồng theo lai thu số 0003418, 0003417 ngày 01/12/2021 và lai thu số 0003425, 0003424 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn và một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 34, 157, 165, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 29, 163 Luật tổ tụng hành chính năm 2010; Điều 690, 691, 692, 693, 694, 695, 705, 706, 707 Bộ luật dân sự năm 1995; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 30 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Điều 10, 11 của Nghị định số 17/1999/NĐ-CP ngày 29/3/1999 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông nguyên đơn Trương Văn L1, ghi nhận sự tự nguyện của bị đơn giao cho ông Trương Văn L1 sử dụng và đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực đo thửa 520-1, diện tích 753,7m<sup>2</sup>; thửa 520-2, diện tích 185,2m<sup>2</sup>, loại đất LUC, tọa lạc ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trương Văn L1 đòi bà Nguyễn Chí H4 giao trả thửa 541, diện tích 4.887,5 m<sup>2</sup> và thửa 535 diện tích 2. 550 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 05, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

3/ Buộc ông Trương Văn L1, Trương Ngọc D, bà Thái Thị Nhung, Trương M2 H2, Trương Thanh T1, Trương Ngọc M1, Trương Khắc B và Trương Thị Ngọc T4 giao trả cho bà Nguyễn Chí H4 phần đất tại thửa 541, diện tích 4.887,5 m<sup>2</sup> và thửa 535 diện tích 2. 550 m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 05, loại đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp PL, xã LH1, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Các đương sự có nghĩa vụ đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4/ Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Trương Khắc B và Trương Thị Ngọc T4.

5/ Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trương Văn L1 và bà Nguyễn Chí H4. Hoàn trả lại ông Trương M2 H2, Trương Ngọc D, Trương Ngọc M1, Trương Thanh T1 Trương Khắc B, bà Thái Thị Nhung, Trương Thị Ngọc T4 mỗi người 300.000 đồng theo lai thu số 0003418,

0003417 ngày 01/12/2021 và lai thu số 0003425, 0003424 ngày 03/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LH.

6/ Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Trương Văn L1 phải chịu 600.000 đồng và đã nộp xong.

7/ Chi phí giám định chữ ký: Ông Trương Thanh T1 phải chịu 4.066.000 đồng và đã nộp xong.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND Cấp cao: 01;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- Chánh án: 01;
- TAND HLH: 01;
- THADS HLH: 01;
- Các đương sự;
- Lưu: 06;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn T6 Đăng**